

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày: 28 – 4 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự - Nợ hui – Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lìl

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út

Ông Hồ Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2020/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Nợ hui - Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T Th, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L H 1, xã L Ph, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T Th, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị M trình bày:

Vào ngày 10/4/2018 (âm lịch) bà M có mở một dây hội, loại hội 2.000.000 đồng/ 01 tháng, có 31 phần tham gia, khi đó bà Trần Thị S có tham gia 01 phần. Bà S đóng hội được 04 kỳ, đến kỳ thứ 5 thì trúng hội hết số tiền 41.800.000 đồng, sau đó bà S đóng hội đến kỳ thứ 15 thì ngưng cho đến nay. Tính đến nay bà S còn nợ bà M 16 kỳ hội chết với số tiền 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 20/8/2018 (âm lịch) bà S còn mượn của bà M số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà S hẹn vài ngày sau sẽ trả nhưng đến nay bà S chưa trả cho bà M số tiền nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Trần Thị S trả số tiền hội còn nợ là 24.00.000 đồng và số tiền mượn là 10.000.000 đồng một lần trong thời gian sớm nhất, yêu cầu bà S trả lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

Bị đơn Trần Thị S thừa nhận vào ngày 10/4/2018 (âm lịch) bà có tham gia chơi hội do bà M làm chủ hội, loại hội 2.000.000 đồng/ 01 tháng, có 31 phần tham gia, bà S tham gia 01 phần đóng hội được 04 kỳ, đến kỳ thứ 5 trúng hội hết số tiền 41.800.000 đồng, sau đó bà S đóng hội đến kỳ thứ 18 còn nợ lại 12 kỳ số tiền 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 20/8/2018 (âm lịch) bà S còn mượn của bà M số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà S đồng ý trả cho bà M số tiền hội còn nợ 24.000.000 đồng và số tiền mượn là 10.000.000 đồng cho bà M, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và trả cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th trình bày: Ông là chồng của bà M nên ông thống nhất theo lời trình bày của bà M. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị S có nghĩa vụ trả số tiền hội còn nợ 24.000.000 đồng và số tiền mượn 10.000.000 đồng cho vợ chồng ông một lần trong thời gian sớm nhất, yêu cầu trả lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M. Buộc bị đơn Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền hui còn nợ 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và số tiền mượn 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - Nợ hui – Đòi lại tài sản”. Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị M và bị đơn Trần Thị S cùng thống nhất vào ngày 10/4/2018 (âm lịch) bà S có tham gia chơi hui do bà M làm chủ hui, loại hui 2.000.000 đồng/ 01 tháng, có 31 phần tham gia, bà S tham gia 01 phần đóng hui được 04 kỳ, đến kỳ thứ 5 trúng hui hốt số tiền 41.800.000 đồng, sau đó bà S đóng hui đến kỳ thứ 18 còn nợ lại 12 kỳ số tiền 24.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 20/8/2018 (âm lịch) bà S còn mượn của bà M số tiền 10.000.000 đồng. Do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được phương pháp trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng chơi hui và tham gia chơi hui là do các đương sự tự nguyện, bị đơn Trần Thị S tham gia chơi hui nhưng sau khi hốt hui chỉ đóng tiền hui chết đến kỳ thứ 18 cho bà M còn nợ lại 12 kỳ hui chết với số tiền là 24.000.000 đồng, đến nay hui đã mãn nhưng bà S vẫn chưa đóng cho bà M.

Theo khoản 1 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn về họ, hui, biểu, phường quy định:

“Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có”.

Do đó, bà Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị S trả số tiền hui còn nợ 24.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Ngoài ra, vào ngày 20/8/2018 (âm lịch) bà S còn mượn của bà M số tiền 10.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà S mượn số tiền 10.000.000 đồng của bà M là tự nguyện, tuy hai bên không có lập biên nhận nợ. Nhưng tại phiên tòa, bà S thừa nhận còn nợ của bà M số tiền mượn 10.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, bà M yêu cầu bà S có nghĩa vụ trả số tiền mượn 10.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn Trần Thị S phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả là: 34.000.000 đồng x 5% = 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166; Điều 357; Điều 468; Điều 471, Điều 494 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.
2. Buộc bị đơn Trần Thị S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền hui còn nợ là 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và số tiền mượn là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thị S phải chịu nộp 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn Phạm Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.075.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0005155, lập ngày 25/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil